

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG

Khái niệm pháp luật: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do **nhà nước ban hành** và được bảo đảm thực hiện bằng **quyền lực nhà nước**

Tính quy phạm phổ biến:

+ Là những quy tắc xử sự chung, khuôn mẫu chung **được áp dụng nhiều lần, nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.**

Tính quyền lực bắt buộc chung

+ PL do nhà nước ban hành và bảo **đảm thực hiện bằng QLNN**
+ PL bắt buộc chung **đối với tất cả cá nhân, tổ chức**
+ Người vi phạm sẽ bị cơ quan nhà nước **xử lý theo quy định**

Tính xác định chặt chẽ về hình thức

+ Hình thức thể hiện của PL là văn bản có chứa các văn bản **quy phạm pháp luật.**
+ Văn bản đòi hỏi diễn đạt **chính xác, một nghĩa để** người dân bình thường đọc cũng hiểu và thực hiện đúng
+ Nội dung văn bản do cấp dưới ban hành **không được trái nội dung văn bản do cấp trên ban hành** và tất cả các văn bản đều phải phù hợp, không trái với Hiến Pháp

Bản chất giai cấp: Các QPPL do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của **giai cấp cầm quyền** mà nhà nước đại diện,

Bản chất xã hội: Pháp luật **bắt nguồn** từ xã hội, **do các** thành viên của xã hội thực hiện, **vì sự phát triển** của xã hội.

Quan hệ giữa pháp luật với đạo đức: Trong quá trình xây dựng pháp luật, nhà nước luôn cố gắng đưa **những quy phạm đạo đức** có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội **vào các quy phạm pháp luật.** Khi đã trở thành các quy phạm pháp luật thì các **giá trị đạo đức được đảm bảo bằng sức mạnh quyền lực nhà nước.**

Vai trò của pháp luật:

- 1 - Là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội
- 2 - Là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

Khái
niệm
Các
hình
thức
thực
hiện
PL

Khái niệm: Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

Các
hình
thức
thực
hiện

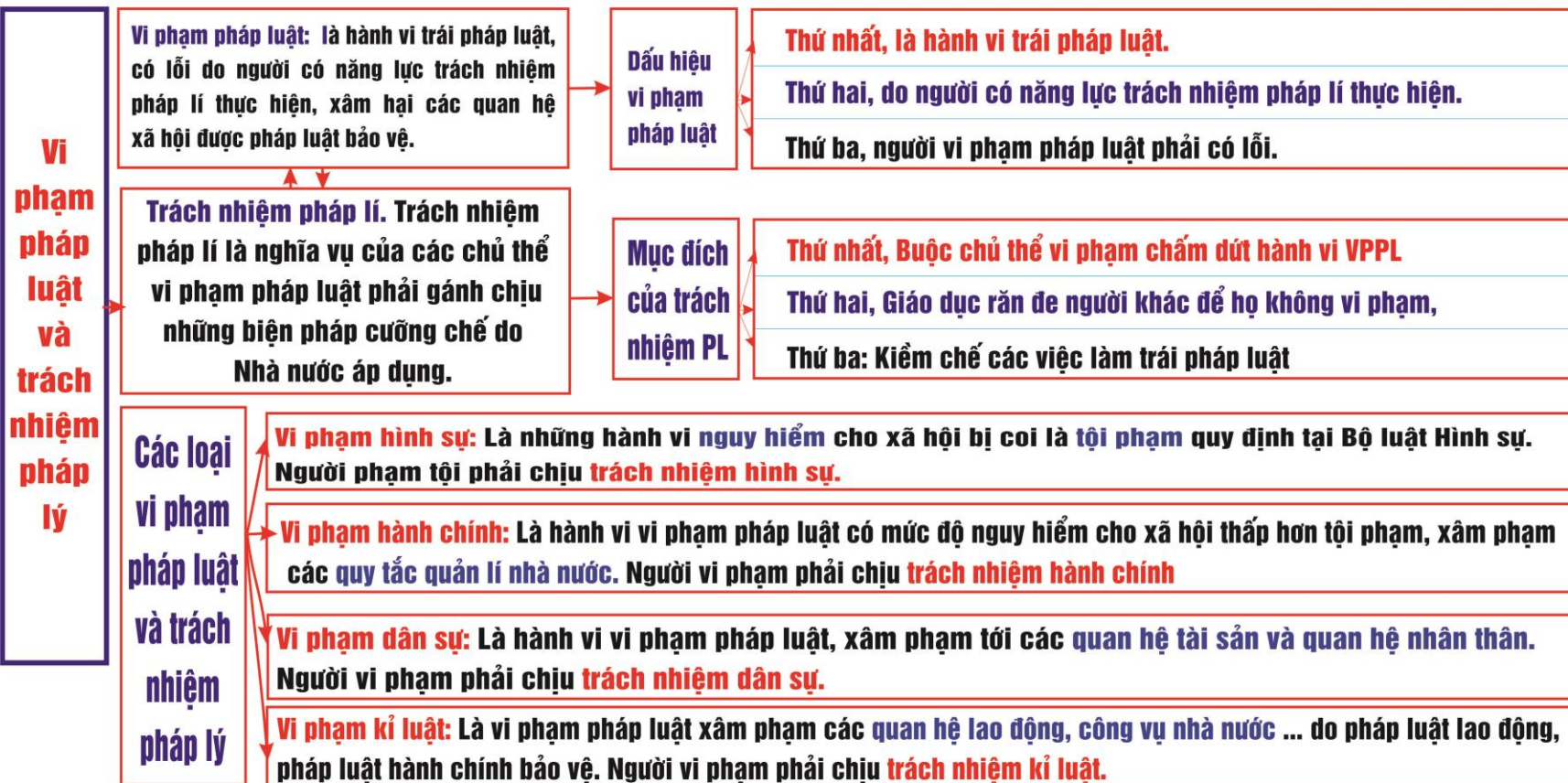
Sử dụng pháp luật : **Các cá nhân, tổ chức** sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật **cho phép làm**

Thi hành pháp luật : **Các cá nhân , tổ chức** thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật **quy định phải làm**

Tuân thủ pháp luật : **Các cá nhân, tổ chức** kiểm chế để không làm những điều mà pháp luật **cấm làm**.

Áp dụng pháp luật : Các **cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền** căn cứ vào pháp luật để **ra các quyết định** làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền , nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021



HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT

Công dân
bình đẳng
trước pháp
luật

Khái niệm: Bình đẳng trước pháp luật có nghĩa là mọi công dân, nam, nữ thuộc các dân tộc, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc **hưởng quyền**, thực hiện **nghĩa vụ** và chịu **trách nhiệm pháp lý** theo quy định của pháp luật.

Nội
dung

Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ: Mọi CD đều **được hưởng quyền** và **phải thực hiện nghĩa vụ** của mình.

Các quyền được hưởng như quyền bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản và các quyền dân sự, chính trị khác...

Các nghĩa vụ phải thực hiện như nghĩa vụ bảo vệ TQ, nghĩa vụ đóng thuế...

Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý : là bất kì công dân nào **vi phạm pháp luật** đều phải chịu trách nhiệm PL về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật. CD dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm PL đều phải chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của PL (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỷ luật)
Khi CD vi phạm PL với 1/chất và mức độ như nhau đều phải chịu TLPL như nhau, không phân biệt đối xử

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

BÌNH ĐẲNG TRONG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Khái niệm: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc **dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử** trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

1. Bình đẳng giữa vợ và chồng

Quan hệ nhân thân: Có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong: **lựa chọn nơi cư trú, Tôn trọng: danh dự, nhân phẩm, tín ngưỡng, tôn giáo**
Giúp đỡ nhau về mọi mặt: **Học tập, nâng cao trình độ**
Bình đẳng trong việc sử dụng **biện pháp KHHGD**
Bình đẳng trong **chăm sóc con ốm**

Quan hệ tài sản: Có quyền và nghĩa vụ ngang nhau
Tài sản chung: (**có được trong thời kỳ hôn nhân, tặng+ cho+ thừa kế chung**)
Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau với tài sản chung thể hiện ở quyền: **Chiếm hữu, sử dụng và định đoạt**
Tài sản riêng: (**có được trước thời kỳ hôn nhân, tặng+ cho+ thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân**)

2. Bình đẳng giữa Cha mẹ và con: **Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con:** yêu thương, nuôi dưỡng chăm sóc, bảo vệ, tôn trọng ý kiến, chăm lo học tập **Con:** Yêu quý, kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ

3. Bình đẳng ông bà và cháu: **Ông bà:** có quyền và nghĩa vụ ngang nhau: trông nom, chăm sóc, giáo dục, nêu gương tốt cho con cháu. **Cháu:** Kính trọng, phụng dưỡng, vâng lời ông bà nội ngoại

4. Bình đẳng anh chị em: **Anh chị em có quyền và nghĩa vụ:** Đùm bọc, nuôi dưỡng, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau

HỌC SINH DỰ THI TỐT NGHIỆP THPT LƯU Ý: QUAN HỆ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH GỒM:

1: QUAN HỆ VỢ CHỒNG

2. CHA MẸ - CON GỒM: CHA MẸ ĐỂ, CHA MẸ NUÔI, BỐ DƯỠNG, MẸ KẾ, CHA MẸ CHỒNG VỚI CON DÂU, BỐ MẸ VỢ VỚI CON RỂ

3. ANH CHỊ EM: ANH CHỊ EM RUỘT, ANH CHỊ EM NUÔI, ANH CHỊ EM BÊN VỢ VỚI ANH RỂ ANH CHỊ EM CHỒNG VỚI CHỊ DÂU

4: ÔNG BÀ VÀ CHÁU: ÔNG BÀ NỘI VÀ ÔNG BÀ NGOẠI

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

BÌNH ĐẲNG TRONG LAO ĐỘNG

Khái niệm: Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện **quyền lao động** thông qua việc **tìm kiếm việc làm**, bình đẳng giữa **người sử dụng lao động** và **người lao động** thông qua **hợp đồng lao động**, bình đẳng giữa **lao động nam** và **lao động nữ** trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

Quyền lao động là công dân được sử dụng sức lao động để **tìm kiếm, lựa chọn việc làm**, có quyền làm việc cho bất cứ ai, công việc gì mà pháp luật không cấm để mang lại thu nhập cho cá nhân, gia đình, XH

Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận **giữa người LĐ với người sử dụng LĐ** về việc làm có trả công, điều kiện LĐ, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ LĐ. Việc giao kết hợp đồng lao động phải tuân theo **nguyên tắc: Tự do, tự nguyện, bình đẳng**, không trái pháp luật, giao kết **trực tiếp** giữa người LĐ và người sử dụng LĐ. Sau khi ký kết hợp đồng lao động, quyền lao động của công dân trở thành quyền thực tế

Bình đẳng lao động nam và nữ bao gồm: Cơ hội tiếp cận việc làm tiêu chuẩn độ tuổi khi tuyển dụng đối xử bình đẳng tại nơi làm việc tiền công, tiền lương bảo hiểm

BÌNH ĐẲNG TRONG KINH DOANH

Khái niệm: Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ KT từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, hình thức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đều bình đẳng theo quy định của PL.

Nội dung:

Mọi công dân có quyền tự do lựa chọn **hình thức kinh doanh: doanh nghiệp, công ty, cửa hàng**

Mọi doanh nghiệp đều có quyền **tự chủ đăng ký KD trong những ngành nghề mà PL không cấm**.

Mọi doanh nghiệp đều có quyền **chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng**

Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh: nộp thuế, KD đúng ngành nghề đã đăng, BV môi trường, QPAN, bảo vệ người tiêu dùng

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

Khái niệm: Các dân tộc trong một quốc gia, không phân biệt **đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa, chủng tộc, màu da....** đều được nhà nước và pháp luật **tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển**

Bình đẳng về chính trị:

- + **Các dân tộc có quyền tham gia quản lý NN&XH, tham gia vào bộ máy nhà nước, góp ý các vấn đề chung**
- + **Các dân tộc đều có đại biểu của dân tộc mình trong các cơ quan nhà nước**

Bình đẳng về kinh tế

- + Đảng và nhà nước **có chính sách phát triển kinh tế** vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa
- + Nhà nước ban hành các **chương trình kinh tế - xã hội** để tạo điều kiện phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc

Bình đẳng về văn hóa, giáo dục:

- + Cùng với tiếng phổ thông, các **dân tộc có quyền dùng tiếng nói chữ viết riêng của mình**
- + Những **phong tục tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp** được giữ gìn, phát huy
- + Các dân tộc bình đẳng trong **hưởng thụ một nền giáo dục**. Nhà nước có chính sách **ưu đãi để con em đồng bào dân tộc được học tập**

BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC TÔN GIÁO

Khái niệm: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật, đều bình đẳng trước pháp luật những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ

Nội dung:

- + **Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật**, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của PL
- + **Hoạt động tín ngưỡng tôn giáo theo quy định của pháp luật được nhà nước bảo đảm, cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ**

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

QUYỀN BẮT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ

Khái niệm: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân có nghĩa là **không ai bị bắt**, nếu không có **quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát**, trừ trường hợp **phạm tội quả tang**.

Nội dung : Không một ai, dù ở cương vị nào có quyền tự ý bắt và giam, giữ người vì những lí do không chính đáng hoặc do nghi ngờ không có căn cứ. Trong một số trường hợp cần thiết phải bắt, giam, giữ người thì phải theo đúng trình tự và thủ tục do pháp luật quy định.

Một số trường hợp được bắt, giam giữ người	Thẩm quyền ra lệnh bắt, giam giữ người
1. Khi có căn cứ cho rằng bị can bị cáo sẽ gây khó khăn cho quá trình điều tra	Viện kiểm sát, tòa án
2. Bắt người trong trường hợp khẩn cấp	Chỉ những người có thẩm quyền mới có quyền ra lệnh bắt người khẩn cấp
+ Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng	
+ Khi có người chính mắt trông thấy và xác nhận là đúng là người đó đã thực hiện tội phạm xét thấy cần bắt ngay để không bỏ trốn	
+ Khi thấy ở người hoặc chỗ ở của người nào đó có dấu vết của tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc họ bỏ trốn	
3. Bắt người phạm tội quả tang hoặc truy nã	Bất kỳ ai cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan công an
+ Phạm tội quả tang là đang thực hiện hành vi phạm tội hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc truy đuổi	

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân

1. Không ai được xâm phạm tới tính mạng sức khỏe của người khác

- + Không ai được đánh người: đặc biệt nghiêm cấm các hành vi hung hãn, côn đồ, đánh người gây thương tích, gây tổn hại đến sức khỏe của người khác
- + Nghiêm cấm các hành vi như: Giết người, đe dọa giết người, làm chết người

1. Không ai được xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm của người khác

- + Không ai được bịa đặt điều xấu, tung tin xấu, nói xấu, xúc phạm người khác để hạ uy tín và gây thiệt hại về danh dự cho người đó

- **Khái niệm:** Thư tín điện thoại điện tín của cá nhân được đảm bảo an toàn, bí mật, không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu hủy, điện tín của người khác người làm nhiệm vụ chuyển thư tín, dt, điện tín phải chuyển đến tận tay người nhận, không giao nhầm, để mất, thư tín điện tín

- **Nội dung:** Chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của PL và trong các trường hợp cần thiết (Liên quan vụ án,) mới được tiến hành kiểm soát, thư tín, điện thoại, điện tín. Người tự tiện bóc mở, tiêu hủy thư tín của người khác tùy theo mức độ có thể bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

**QUYỀN ĐƯỢC
BẢO ĐẢM
AN TOÀN, BÍ MẬT
THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI
ĐIỆN TÍN**

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

- Chỗ ở của công dân được Nhà nước và mọi người tôn trọng, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý

Việc khám chỗ ở của công dân do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phải theo trình tự do pháp luật quy định

1. Khi có căn cứ khẳng định chỗ ở, địa điểm của người nào đó có công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội hoặc liên quan vụ án
2. Việc khám chỗ ở, địa điểm của người nào đó được tiến hành khi cần bắt người đang bị truy nã hoặc phạm tội quả tang lẩn trốn ở đó

- Khái niệm: Công dân có quyền phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước

- Cách thức thực hiện quyền tự do ngôn luận:

- Bày tỏ ý kiến trong các cuộc họp cơ quan, trường học, tổ dân phố
- Viết bài đăng báo bày tỏ ý kiến quan điểm của mình về chủ trương, chính sách và pháp luật
- Đóng góp ý kiến, kiến nghị với các đại biểu Quốc hội và hội đồng

QUYỀN
TỰ
DO
NGÔN
LUẬN

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

QUYỀN BẦU CỬ, ỨNG CỬ VÀO CÁC CƠ QUAN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

Khái niệm: Quyền bầu cử và ứng cử là quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó nhân dân thực thi hình thức dân chủ gián tiếp ở từng địa phương trong phạm vi cả nước.

Người có quyền bầu cử, ứng cử	Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử	Những người không được thực hiện quyền bầu cử:	1- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án của tòa án 2- Người đang chấp hành hình phạt tù 3- Người mất năng lực hành vi dân sự
-------------------------------------	---	--	---

Cách thức thực hiện quyền bầu cử: Quyền bầu cử được thực hiện theo nguyên tắc bầu cử:

1. **Phổ thông:** Mọi công dân đủ 18 tuổi trở lên. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín
2. **Bình đẳng:** Mọi lá phiếu đều có giá trị như nhau.
3. **Trực tiếp:** Trực tiếp đi bỏ phiếu và trực tiếp tự tay mình bỏ phiếu vào hòm phiếu
4. **Bỏ phiếu kín:** Việc bầu ai do mình quyết định, ko chịu tác động bên ngoài, không được để cho ai biết

Quyền ứng cử của công dân được thực hiện bằng 2 con đường: Tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

Khái niệm: Quyền dân chủ của công dân, là công cụ để nhân dân thực hiện dân chủ trực tiếp, trong những trường hợp cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức bị hành vi trái pháp luật xâm phạm

Quyền khiếu nại: là quyền của công dân, tổ chức đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, khi có căn cứ cho rằng, quyết định đó là trái PL, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình

Mục đích khiếu nại: Nhằm khôi phục quyền và lợi ích của người khiếu nại

Người khiếu nại: Mọi cá nhân và tổ chức đều có quyền khiếu nại

QUYỀN KHIẾU NẠI TỐ CÁO

Quyền tố cáo: là quyền của công dân được báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật, của bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Mục đích tố cáo: phát hiện ngăn chặn các việc làm trái pháp luật

Người tố cáo: Chỉ có công dân mới có quyền tố cáo

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

QUYỀN HỌC TẬP

- 1 - Quyền học không hạn chế:** Công dân có quyền học từ Tiểu học đến trung học, Đại học, Sau đại học
Cách thức thực hiện quyền học không hạn chế: Được vào học các trường trên thông qua các kỳ thi tuyển sinh hoặc thông qua xét tuyển
- 2 - Công dân có quyền học bất cứ ngành nghề nào:** Có quyền học bất kỳ ngành nghề nào phù hợp với năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của bản thân (Kỹ sư, bác sĩ, luật, giáo viên, bộ đội.....).
- 3 - Công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời:** Thể hiện thông qua việc công dân có thể thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau (Chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, học tập trung hoặc không tập trung, học ban ngày hoặc buổi tối), nhiều loại hình trường, nhiều trường lớp khác nhau (Công lập, dân lập, tư thực)
- 4 - Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập:** Mọi công dân không phân biệt, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng giới tính, nguồn gốc, địa vị xã hội....đều có quyền được học tập các quyền ở trên

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

QUYỀN SÁNG TẠO

Khái niệm: Quyền sáng tạo là quyền của mỗi người được **tự do nghiên cứu khoa học, tự do tìm tòi suy nghĩ** để đưa ra các **phát minh sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Sáng tác văn học nghệ thuật**, khám phá khoa học để tạo ra các tác phẩm, công trình khoa học

Nội dung

Quyền tác giả: Công dân có quyền sáng tạo ra các tác phẩm văn học nghệ thuật khoa học, tác phẩm báo chí

Quyền sở hữu công nghiệp và hoạt động khoa học: công dân có quyền phát minh sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC - ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2021

QUYỀN PHÁT TRIỂN

Biểu hiện của quyền phát triển

Khái niệm: Quyền phát triển là công dân được sống trong một môi trường có lợi cho sự phát triển về **thể chất và tinh thần, trí tuệ và đạo đức**, có mức sống đầy đủ về vật chất, được học tập, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí tham gia các hoạt động văn hóa, cung cấp thông tin chăm sóc sức khỏe, **khuyến khích bồi dưỡng để phát triển tài năng**

Biểu hiện 1: Được hưởng đời sống vật chất đầy đủ: Nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí để phát triển thể chất, chăm sóc y tế, sức khỏe ban đầu

Biểu hiện 2: Được hưởng đời sống tinh thần: Được tiếp cận các phương tiện thông tin (truyền hình, đài phát thanh, báo chí), được vui chơi giải trí tham gia vào các công trình văn hóa công cộng

Biểu hiện 3: Khuyến khích bồi dưỡng để phát triển tài năng: Những **người phát triển sớm về trí tuệ được học trước tuổi, học vượt lớp, học rút ngắn thời gian**. Người học giỏi, có năng khiếu, học sinh đạt giải quốc gia quốc tế được ưu tiên tuyển chọn vào các trường đại học, **người tài được tạo điều kiện để làm việc cống hiến cho Tổ quốc**

Nội dung 1: Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển kinh tế:

* **Quyền tự do kinh doanh của công dân:** Tự do kinh doanh có nghĩa là mọi công dân khi **có đủ điều kiện do pháp luật quy định** đều có quyền **tiến hành các hoạt động kinh doanh** sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đăng ký kinh doanh.

* **Nghĩa vụ kinh doanh:**

- + Kinh doanh **đúng ngành nghề ghi trong giấy phép kinh doanh**, Kinh doanh những **ngành nghề mà pháp luật không cấm**
- + **Nộp thuế** đầy đủ theo quy định, bảo vệ **môi trường**, bảo vệ **quyền lợi người tiêu dùng**, tuân thủ quy định về **quốc phòng an ninh**

Nội dung 2: Nội dung cơ bản của pháp luật về các lĩnh vực xã hội bao gồm các lĩnh vực sau:

Lĩnh vực thứ 1: **Giải quyết việc làm.**

Lĩnh vực thứ 2: **Xóa đói giảm nghèo.**

Lĩnh vực thứ 3: **Kiểm chế gia tăng dân số.**

Lĩnh vực thứ 4: **Chăm sóc sức khỏe nhân dân.**

Lĩnh vực thứ 5: **Phòng chống các tệ nạn xã hội**

CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

Quá trình sản xuất là sự kết hợp của 3 yếu tố: Sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động

Sức lao động

+ Là toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần được vận dụng vào quá trình SX

+ **Vai trò: là yếu tố giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất**

Đối tượng lao động

+ Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó

Đối tượng lao động gồm 2 loại

1. Loại đã qua tác động của con người (Sợi dệt vải, sắt thép...gọi là nguyên liệu)
2. Loại có sẵn trong tự nhiên (gỗ trong rừng, quặng trong lòng đất, tôm cá dưới biển)

Tư liệu lao động:

+ Là vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động

+ **Tư liệu lao động gồm 3 loại:**

1. Công cụ lao động (Cày cuốc, máy móc)
2. Hệ thống bình chứa (ống, thùng, hộp)
3. Kết cấu hạ tầng (Đường xá, bến cảng, sân bay)

+ **Vai trò: Công cụ lao động là yếu tố quan trọng nhất của tư liệu lao động**

Sức lao động

Đối tượng lao động

Tư liệu lao động:

Tư liệu sản xuất

Quá trình lao động sản xuất

HÀNG HÓA VÀ HAI THUỘC TÍNH CỦA HÀNG HÓA

Khái niệm: Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

Hai thuộc
tính của
hàng hóa

Giá trị sử dụng: Là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người

Giá trị: Là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
(Giá trị hàng hóa là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi)

TIỀN TỆ, CÁC CHỨC NĂNG CỦA TIỀN TỆ

Khái niệm: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các loại hàng hóa

Các
chức
năng của
tiền tệ

Thước đo giá trị: Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa (Giá trị của hàng hóa được biểu hiện = 1 lượng tiền gọi là giá cả)

Phương tiện lưu thông: Tiền làm môi giới, trung gian, cho quá trình trao đổi hàng hóa (H-T-H, Bán hàng lấy tiền, rồi tiền mua hàng hóa khác)

Phương tiện thanh toán: Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu, trả nợ, nộp thuế)

Phương tiện cất trữ: Tiền rút khỏi lưu thông và cất trữ để khi cần thì đem ra mua hàng hóa

Tiền tệ thế giới: Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác (Tỷ giá hối đoái: giá cả đồng tiền nước này so với tiền nước #)

THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA THỊ TRƯỜNG

Khái niệm: Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa

Các chức năng của thị trường

Chức năng thừa nhận giá trị, giá trị sử dụng: Khi người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường, hàng hóa nào thích hợp với nhu cầu, thị hiếu, giá cả thì bán được (Thừa nhận giá trị: tức là giá cả đó được người mua chấp nhận, thừa nhận giá trị sử dụng: Tức hàng hóa phù hợp với nhu cầu, thị hiếu mà người mua đang cần)

Chức năng thông tin: Thị trường **cung cấp** cho các chủ thể **thông tin**: quy mô cung cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại cho người mua - bán

Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng: Điều tiết các yếu tố sản xuất từ nơi này sang nơi khác, hàng hóa từ nơi có giá thấp sang nơi có giá cao. Người sản xuất tăng cường sản xuất hàng hóa có giá cao và ngược lại...

QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SX VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

Nội dung: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa

Biểu hiện của QLGT

Trong sản xuất: Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải bảo đảm cho thời gian lao động cá biệt phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để SX ra hàng hóa

Trong lưu thông: Quy luật giá trị yêu cầu việc trao đổi hàng hóa trên thị trường phải dựa theo nguyên tắc ngang giá (2 Hàng hóa có thời gian LĐXH cần thiết bằng nhau thì trao đổi với nhau)

Tác động của QLGT

1. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa: + Phân phối lại các yếu tố sản xuất và sức lao động từ ngành này sang ngành khác
+ Phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác, từ mặt hàng này sang mặt hàng khác

2. Kích thích LLSX phát triển Tăng năng suất lao động Người sản xuất kinh doanh phải không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề, hợp lý hóa sản xuất từ đó làm cho LLSX phát triển và tăng năng suất lao động

3. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất Người có sản xuất thuận lợi, giá trị cá biệt nhỏ hơn xã hội ngày càng trở nên giàu có
Người có điều kiện không thuận lợi, kinh doanh thua lỗ, phá sản và nghèo khó

CẠNH TRANH TRONG SX VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

Khái niệm: Cạnh tranh là sự ganh đua sự đấu tranh giữa các chủ thể kinh trong SX và LT hàng hóa nhằm giành các điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận về mình

Mặt tích cực của cạnh tranh

- 1 - Kích thích LLSX phát triển, tăng năng suất lao động, khoa học - kt phát triển
- 2 - Khai thác tối đa mọi nguồn lực đất nước để phát triển kinh tế.
- 3 - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực chủ động hội nhập kinh tế

Mặt hạn chế của cạnh tranh

- 1 - Hủy hoại tài nguyên và môi trường sinh thái
- 2 - Sử dụng các thủ đoạn phi pháp, bất lương để giành giật khách hàng
- 3 - Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

CUNG CẦU TRONG SX VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

Cầu: là khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong 1 thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định

Cung: là khối lượng hàng hóa và dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong 1 thời kỳ xác định tương ứng với giá cả, khả năng sản xuất và chi phí SX

QUAN HỆ CUNG CẦU (TÁC ĐỘNG QUA LẠI GIỮA NGƯỜI MUA VÀ NGƯỜI BÁN)

Cung cầu tác động lẫn nhau

1. Khi **cầu tăng** (Sx, kd mở rộng) làm cho **cung tăng**
2. Khi **cầu giảm** (Sx, kd thu hẹp) làm cho **cung giảm**
3. Khi **cung giảm** (giá cả tăng) làm cho **cầu giảm**
4. Khi **cung tăng** (giá cả giảm) làm cho **cầu tăng**

Cung cầu tỷ lệ thuận với nhau

Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

1. Khi **cung > cầu** (giá cả thị trường < giá trị hàng hóa) làm cho giá cả hàng hóa giảm xuống
2. Khi **cung < cầu** (giá cả thị trường > giá trị hàng hóa) làm cho giá cả hàng hóa tăng lên
3. Khi **giá cả tăng lên** (các doanh nghiệp mở rộng sản xuất) **cung tăng lên** làm cho **cầu giảm xuống**
3. Khi **giá cả giảm** (các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất) **cung giảm** làm cho **cầu tăng lên**

Giá cả tỷ lệ thuận với cung và tỷ lệ nghịch với cầu